



Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 42



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Võ Minh Hoài	Chủ tịch
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	Ủy viên
Bà Trương Thị Kim Oanh	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Võ Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	Phó Tổng giám đốc
Ông Võ Văn Thi	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Duy Trực	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Minh Đức	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Loan	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

120
CÔ
T
KIẾ
TH
VIỆ
120

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH



Nguyễn Bảo Ngọc
Phó Tổng giám đốc

(Quyết định số 72 ngày 13/03/2017)

Quảng Bình, ngày 06 tháng 07 năm 2019

510
:IG
"H
AT
-B
C M
-M

Số: 57A /BCTC/TC/NV8

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 06 tháng 07 năm 2019 từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của một số khoản nợ phải thu đã tồn đọng qua một số kỳ kế toán để xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Do đó chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục dự phòng nêu trên hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số IV.8 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công trình đường tránh Thành phố Đồng Hới đã đưa vào sử dụng từ ngày 01/10/2010 tuy nhiên đến ngày 31/12/2015 Công ty này mới thực hiện ghi nhận tăng nguyên giá và trích khấu hao đối với phần tài sản cố định hữu hình với giá trị 582.333.638.775 đồng. Phần còn lại tại 31/12/2018 với giá trị 127.318.682.423 đồng đang được ghi nhận trên khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang mà chưa kết chuyển ghi tăng nguyên giá

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

tài sản cố định để trích khấu hao. Theo đó, bất cứ sự điều chỉnh nào liên quan tới vấn đề nêu trên sẽ làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Báo cáo phát hành ngày 22/06/2018 với ý kiến kiểm toán chấp nhận từng phần.

Báo cáo tài chính của hai Công ty con là Công ty CP Du lịch Suối Bang Trường Thịnh và Công ty CP Trường Thịnh Golf & Resort được hợp nhất trong Báo cáo tài chính này chưa được kiểm toán.



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0373-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trần Thị Chúc

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3278-2015-126-1

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.761.191.957.428 ✓	1.261.043.174.329 ✓
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	88.666.753.764 ✓	48.431.301.604 ✓
1 Tiền	111		88.666.753.764 ✓	45.931.301.604 ✓
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	2.500.000.000 ✓
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3.	125.410.060.944 ✓	132.071.469.650 ✓
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		125.410.060.944 ✓	132.071.469.650 ✓
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.116.366.200.895 ✓	714.777.863.850 ✓
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	98.247.904.375 ✓	122.647.184.729 ✓
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	95.688.920.067 ✓	231.063.961.240 ✓
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	922.867.658.563 ✓	361.329.687.147 ✓
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(438.282.110) ✓	(262.969.266) ✓
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	427.297.830.600 ✓	358.676.510.087 ✓
1 Hàng tồn kho	141		427.297.830.600 ✓	358.676.510.087 ✓
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.451.111.225 ✓	7.086.029.138 ✓
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	3.008.717.903 ✓	2.473.266.212 ✓
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		148.458.189 ✓	3.656.751.936 ✓
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.15.	293.935.133 ✓	956.010.990 ✓
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.020.418.521.360 ✓	5.049.994.155.386 ✓
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		118.820.209.214 ✓	99.010.446.126 ✓
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2.	63.587.151.789 ✓	16.508.527.710 ✓
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4.	54.912.809.817 ✓	65.999.845.416 ✓
3 Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	320.247.608 ✓	16.502.073.000 ✓
II. Tài sản cố định	220		3.917.834.097.309 ✓	4.012.637.146.834 ✓
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	3.916.519.467.854 ✓	4.011.684.146.834 ✓
- Nguyên giá	222		4.778.436.250.016 ✓	4.720.073.022.093 ✓
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(861.916.782.162) ✓	(708.388.875.259) ✓
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.11.	1.314.629.455 ✓	953.000.000 ✓
- Nguyên giá	228		1.654.331.094 ✓	1.263.331.094 ✓
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(339.701.639) ✓	(310.331.094) ✓
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9.	635.891.616.295 ✓	636.430.413.810 ✓
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		121.604.407.733 ✓	121.604.407.733 ✓
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		514.287.208.562 ✓	514.826.006.077 ✓
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3.	300.360.232.763 ✓	256.704.541.653 ✓
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		288.460.232.763 ✓	145.456.952.653 ✓
2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	111.247.589.000 ✓
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		11.900.000.000 ✓	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		47.512.365.779 ✓	45.211.606.963 ✓
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	26.032.157.951 ✓	19.435.357.569 ✓
2 Lợi thế thương mại	269		21.480.207.828 ✓	25.776.249.394 ✓
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.781.610.478.788 ✓	6.311.037.329.715 ✓

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.056.776.048.240	5.044.992.105.212
I. Nợ ngắn hạn	310		1.694.228.185.814	1.247.877.110.979
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	234.816.754.527	109.869.688.261
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	152.547.266.765	87.067.896.423
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	20.210.519.308	2.856.146.096
4 Phải trả người lao động	314		8.572.408.412	6.821.265.440
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	102.264.441.144	151.508.028.571
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	63.966.498.140	16.631.468.509
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13.	1.111.463.508.122	872.631.553.588
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		386.789.396	491.064.091
II. Nợ dài hạn	330		3.362.547.862.426	3.797.114.994.233
1 Phải trả dài hạn người bán	331	V.12.	131.818.700.969	40.741.564.512
2 Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.14.	213.563.963.776	582.466.779.876
3 Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16.	56.474.127.437	22.495.417.550
4 Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	19.528.543.263	17.566.233.863
5 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13.	2.901.311.906.927	3.101.147.751.703
6 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		39.850.620.054	32.697.246.729
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.724.834.430.548	1.266.045.224.503
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	1.724.834.430.548	1.266.045.224.503
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.889.000.000.000	1.479.127.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.889.000.000.000	1.479.127.000.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		897.686.745	1.197.686.745
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(207.796.216.464)	(233.493.794.397)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(236.622.862.422)	(197.407.100.471)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		28.826.645.958	(36.086.693.926)
5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		42.732.960.267	19.214.332.155
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		6.781.610.478.788	6.311.037.329.715

Quảng Bình, ngày 06 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH

Người lập

Phan Thị Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hải

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Bảo Ngọc

Mẫu số B 02 - DN /HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	2.151.575.982.254 [✓]	1.451.690.560.381 [✓]
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	-	263.045.454 [✓]
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.151.575.982.254 [✓]	1.451.427.514.927 [✓]
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	1.580.795.998.596 [✓]	977.853.072.706 [✓]
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		570.779.983.659 [✓]	473.574.442.221 [✓]
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	8.716.962.703 [✓]	17.777.258.764 [✓]
7 Chi phí tài chính	22	VI.5.	436.320.703.266 [✓]	442.032.477.678 [✓]
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		429.630.221.496 [✓]	442.030.024.516 [✓]
8 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	24		98.631.110 [✓]	96.309.937 [✓]
9 Chi phí bán hàng	25	VI.8.	14.728.276.235 [✓]	9.276.365.442 [✓]
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	66.325.388.854 [✓]	58.246.050.343 [✓]
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		62.221.209.117 [✓]	(18.106.882.541) [✓]
12 Thu nhập khác	31	VI.6.	1.181.705.774 [✓]	2.308.980.958 [✓]
13 Chi phí khác	32	VI.7.	12.317.760.954 [✓]	4.730.745.062 [✓]
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(11.136.055.180) [✓]	(2.421.764.104) [✓]
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		51.085.153.937 [✓]	(20.528.646.645) [✓]
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		15.025.511.450 [✓]	530.720.423 [✓]
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10.	7.153.373.325 [✓]	16.225.473.726 [✓]
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		28.906.269.162 [✓]	(37.284.840.794) [✓]
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		28.906.269.162 [✓]	(36.086.693.926) [✓]
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	(1.198.146.868) [✓]
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	158,08 [✓]	(312,82) [✓]

Quảng Bình, ngày 06 tháng 07 năm 2019

Người lập

Phan Thị Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hải

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH



Phó Tổng giám đốc

Nguyễn Bảo Ngọc

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND
Năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		51.085.153.937	(20.528.646.645)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		167.217.881.580	167.117.848.314
- Các khoản dự phòng	03		175.312.844	262.969.266
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		899.548	179.150
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		220.387.941	(16.353.328.227)
- Chi phí lãi vay	06		429.630.221.496	442.030.024.516
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		648.329.857.346	572.529.046.374
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(418.065.119.230)	(351.752.401.563)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(68.621.320.513)	(105.532.159.659)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(4.494.188.622)	254.604.743.045
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.132.252.073)	(9.460.033.326)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(444.904.704.272)	(402.063.384.546)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(320.000.000)	(854.771.477)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(720.045.339)	(1.965.322.730)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(295.927.772.703)	(44.494.283.882)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(90.636.160.787)	(187.827.701.998)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		3.615.454.549	4.487.876.370
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.200.000.000)	(3.919.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.462.700.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(31.657.060.000)	(79.436.739.715)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.710.080.891	1.002.528.668
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(112.704.985.347)	(265.693.036.675)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		409.873.000.000	328.009.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.005.971.122.084	991.209.049.859
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(966.975.012.326)	(991.904.894.995)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		448.869.109.758	327.313.154.864
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		40.236.351.708	17.125.834.307
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		48.431.301.604	31.305.646.447
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61		(899.548)	(179.150)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	88.666.753.764	48.431.301.604

Quảng Bình, ngày 06 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Phan Thị Hiền



Nguyễn Mạnh Hải



Nguyễn Bảo Ngọc

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Trường Thịnh, được thành lập theo Quyết định số 989 QĐ/DN do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 11/11/1994 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 047276 đăng ký lần đầu ngày 14/11/1994, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3100195171 đăng ký lại ngày 11/06/2009 và hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/12/2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/12/2016 thì vốn điều lệ của Công ty là **1.889.000.000.000 đồng** (Một nghìn tám trăm tám mươi chín tỷ đồng./).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, dịch vụ và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Xây dựng nhà các loại, các công trình dân dụng, cảng biển đường thủy, thủy lợi, thủy điện, điện đến 220KV, đường ống cấp thoát nước, lắp đặt thiết bị; Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Xây dựng công trình đường bộ: Xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đầu tư và xây dựng các công trình giao thông theo hình thức BOT, BT...; Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Thiết kế, thẩm tra công trình cầu đường, thiết kế sản phẩm công nghiệp, giao thông vận tải (khi có đủ điều kiện của các ngành chức năng cho phép); kiểm định công trình;
- Vận tải hành khách bằng xe taxi; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, cho thuê nhà ở, văn phòng; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống: Kinh doanh nhà hàng; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ: Sản xuất mộc dân dụng, đồ mỹ nghệ, sơn mài... (trừ cửa xẻ gỗ để bán, cửa xẻ gỗ thuê); Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Khai thác và chế biến quặng sắt; Khai thác và chế biến quặng bô xít, ma gan, titan (khi có đủ điều kiện);
- Đại lý thu đổi ngoại tệ; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ; Đại tu ô tô, máy công trình, mua bán và bảo dưỡng xe có động cơ và rơ moóc; Đúc tạo phôi, gia công chế tạo các mặt hàng sản phẩm cơ khí, sản phẩm phục vụ giao thông, điện, công nghiệp; Kinh doanh các thiết bị động lực, máy nông, lâm, thủy lợi, các phụ tùng, vật tư kỹ thuật cho các ngành kinh tế;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí và sân golf; Cho thuê tài sản; Đầu tư, kinh doanh bất động sản; Kinh doanh, buôn bán (kể cả xuất, nhập khẩu) xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Kinh doanh thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Điều hành tua du lịch; Dịch vụ thí nghiệm, kiểm tra độ bền của cơ học bê tông, kết cấu; Kinh doanh trò chơi điện tử có thương hiệu dành cho người nước ngoài (khi có đủ điều kiện); Kinh doanh các dịch vụ cảng biển; Kinh doanh có thu phí dịch vụ sử dụng công trình./.

Trụ sở chính của Công ty: 50 Nguyễn Hữu Cảnh - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Tùy từng lĩnh vực kinh doanh mà chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc trên 12 tháng, cụ thể:

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, dịch vụ và một số công trình xây dựng thông thường thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng một số dự án thì chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

5. Cấu trúc tập đoàn

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH B.O.T Đường tránh thành phố Đồng Hới	Xã Võ Ninh - huyện Quảng Ninh - tỉnh Quảng Bình	Thu phí đường bộ	100%	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Du lịch Trường Thịnh	Thôn Mỹ Cảnh, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Khách sạn và Du lịch	100%	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV Xây lắp Trường Thịnh	50 Nguyễn Hữu Cảnh, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Xây lắp	100%	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV BOT Trường Thịnh	50 Nguyễn Hữu Cảnh, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Thu phí đường bộ	100%	100%	100%
5. Công ty TNHH BOT Quảng Trị	An Bình - Cam Thanh - Cam Lộ - Quảng Trị	Thu phí đường bộ	100%	100%	100%
6. Công ty CP Du lịch Suối Bang Trường Thịnh	Tầng 7, tòa nhà Tập đoàn Trường Thịnh, số 50 Nguyễn Hữu Cảnh, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Du lịch, Nghi dưỡng	75%	75%	75%
7. Công ty CP Trường Thịnh Golf & Resort	Số 50 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Hải Đình, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Giải trí, Nghi dưỡng	70%	70%	70%

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	50 Nguyễn Hữu Cảnh, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Thủy điện	45,70%	45,70%	45,70%
2. Công ty CP Trường Thịnh 5	50 Nguyễn Hữu Cảnh, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%
3. Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	Đường Quang Trung, phường Đình Hải - TP. Đồng Hới - tỉnh Quảng Bình	Xây lắp	29,21%	29,21%	29,21%
4. Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	Số 475 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	22,74%	22,74%	22,74%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập tại ngày 31/12/2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chịu sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng Chi nhánh Quảng Bình và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng Chi nhánh Quảng Bình và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được ghi nhận bắt đầu từ ngày phát sinh hoạt động gửi tiền tiết kiệm.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cost và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cost và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cost được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính và các chi phí chung trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Cây lâu năm	09 - 40
- Tài sản cố định khác	04 - 40

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Riêng tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc phục vụ các các dự án theo hình thức BOT (công trình Quốc lộ 1 Km 672+600 – Km 704+900, công trình Quốc lộ 1 Km741 + 170 - Km756 + 705 qua tỉnh Quảng Trị, Dự án xây dựng quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Đồng Hới tỉnh Quảng Bình, công trình BOT Đông Hà – Quảng Trị (Km756 + 705 -> km769 + 947) thì thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm máy vi tính và giá trị quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian được cấp phép sử dụng.

Phần mềm kế toán, phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán của Công ty đã được khấu hao hết.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty gồm: công trình Động Thiên Đường, công trình quốc lộ 1 Km672+600 - Km704+900 qua tỉnh Quảng Bình, khu Đô thị Bảo Ninh - Đồng Hới Quảng Bình, Công trình BOT Đông Hà – Quảng Trị, Công trình đường tránh TP. Đồng Hới... được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Công trình đường tránh Thành phố Đồng Hới đã được Công ty đưa vào sử dụng từ ngày 01/10/2010. Công ty đã ghi tăng nguyên giá TSCĐ đối với đoạn đường tránh thành phố Đồng Hới theo Văn bản số 17048/BGTVT-TV ngày 22/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc thỏa thuận giá trị quyết toán Dự án

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

xây dựng quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo hình thức BOT với giá trị là 582.333.638.775 đồng, phần còn lại đang được Công ty ghi nhận là chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chưa thực hiện trích khấu hao.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm: Chi phí này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là các khoản chi phí lãi vay và tiền lãi trách nhiệm đã phát sinh trong năm tài chính nhưng chưa chi trả.

Khoản chi phí lãi vay được xác định căn cứ vào lãi suất và hợp đồng vay.

Khoản tiền lãi trách nhiệm phải trả của cán bộ công nhân viên. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào số tiền trách nhiệm đã nộp và lãi suất huy động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lỗ từ hoạt động của doanh nghiệp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa, doanh thu thu phí đường bộ, doanh thu hoạt động xây lắp, cho thuê phòng nghỉ và các dịch vụ liên quan, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và thu nhập khác.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ khoản phạt do làm hao hụt vật tư, thu từ giá trị tài sản bị thiệt hại được cơ quan bảo hiểm đền bù và các khoản thu nhập khác, được ghi nhận dựa trên phiếu thu, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán khác có liên quan.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng sản phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm, chi phí sử dụng vốn của Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn, lỗ chênh lệch tỷ giá và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo đúng hướng dẫn của luật thuế giá trị gia tăng hiện hành với mức thuế suất áp dụng là: 10% đối với hoạt động xây lắp, kinh doanh vật tư...

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền	88.666.753.764 [✓]	45.931.301.604 [✓]
Tiền mặt	8.314.291.189 [✓]	8.010.774.107 [✓]
Tiền gửi ngân hàng	80.352.462.575 [✓]	37.920.527.497 [✓]
Các khoản tương đương tiền	-	2.500.000.000 [✓]
Cộng	88.666.753.764[✓]	48.431.301.604[✓]

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2018 [✓]		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	98.247.904.375[✓]	-	122.647.184.729[✓]	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hoàng Minh	-	-	24.914.971.336 [✓]	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Trường Phú	29.706.742.373 [✓]	-	11.034.540.139 [✓]	-
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	8.925.873.818 [✓]	-	11.105.125.333 [✓]	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng Trường Thịnh	6.215.921.754 [✓]	-	6.548.466.129 [✓]	-
Các đối tượng khác	53.399.366.430 [✓]	-	69.044.081.792 [✓]	-
b) Dài hạn	63.587.151.789[✓]	-	16.508.527.710[✓]	-
Ban QLDA phục dựng tôn tạo Chùa Hoàng Phúc	2.187.859.000 [✓]	-	2.987.859.000 [✓]	-
Ban Quản lý dự án khu kinh tế - Quảng Bình	3.278.669.891 [✓]	-	3.432.602.029 [✓]	-
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	50.567.470.869 [✓]	-	1.577.489.667 [✓]	-
Các đối tượng khác	7.553.152.029 [✓]	-	8.510.577.014 [✓]	-
Cộng	161.835.056.164[✓]	-	139.155.712.439[✓]	-

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	95.688.920.067 ✓	231.063.961.240 ✓
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	52.453.770.972 ✓	154.350.780.286 ✓
Công ty TNHH MTV Xây dựng 384	-	19.019.502.200 ✓
Các đối tượng khác	43.235.149.095 ✓	57.693.678.754 ✓
b) Dài hạn	54.912.809.817	65.999.845.416
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Vĩnh Phước	25.215.989.231 ✓	25.215.989.231 ✓
Công ty CP Xây dựng thương mại và Du lịch Phương Bắc	29.696.820.586 ✓	29.073.176.585 ✓
Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Trường Thịnh Phát	-	11.710.679.600 ✓
Cộng	150.601.729.884	297.063.806.656

c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

5. Phải thu khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	922.867.658.563 ✓	-	361.329.687.147 ✓	-
Phải thu khác	688.693.241.913 ✓	-	157.197.869.622 ✓	-
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	20.978.041.704 ✓	-	-	-
DNTN Thương mại xây dựng Quyết Thủy	-	-	12.240.000.000 ✓	-
Ban điều hành khu đô thị mới Bảo Ninh	94.680.500.000 ✓	-	29.000.000.000 ✓	-
Ban điều hành Khu du lịch đảo yến	95.342.327.500 ✓	-	25.000.000.000 ✓	-
Ban điều hành Công trình nhà ở thương mại Trường	91.599.683.000 ✓	-	20.000.000.000 ✓	-
Ban điều hành cảng Hòn La	94.242.389.000 ✓	-	-	-
Ban điều hành dự án suối nước nóng Bang	74.194.260.000 ✓	-	-	-
Ban điều hành dự án sân golf Bảo Ninh	96.160.000.000 ✓	-	-	-
Các đối tượng khác	121.496.040.709 ✓	-	70.957.869.622 ✓	-
Tạm ứng	231.729.165.681 ✓	-	201.973.079.295 ✓	-
Võ Hoàng Anh	22.663.587.847 ✓	-	20.537.311.955 ✓	-
Nguyễn Bảo Ngọc	15.203.068.636 ✓	-	41.830.796.496 ✓	-
Nguyễn Thị Loan	20.000.000.000 ✓	-	20.000.000.000 ✓	-
Phạm Minh Phong	25.000.000.000 ✓	-	25.000.000.000 ✓	-
Trần Mạnh Danh	34.948.040.000 ✓	-	13.798.100.000 ✓	-
Võ Minh Hoài	6.440.082.846 ✓	-	19.061.448.148 ✓	-
Các đối tượng khác	107.474.386.352 ✓	-	61.745.422.696 ✓	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

<i>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	2.409.171.498 ✓	-	2.138.648.720 ✓	-
Sở Tài chính Thừa Thiên	1.150.000.000 ✓	-	1.150.000.000 ✓	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình	923.960.794 ✓	-	798.024.174 ✓	-
Các khoản ký cược khác	335.210.704 ✓	-	190.624.546 ✓	-
<i>Dư nợ TK 334</i>	10.043.127 ✓	-	20.089.510 ✓	-
<i>Dư nợ TK3382</i>	19.537.430 ✓	-	-	-
<i>Dư nợ TK3383</i>	3.174.052 ✓	-	-	-
<i>Dư nợ TK 3388</i>	3.324.862 ✓	-	-	-
b) Dài hạn	320.247.608 ✓	-	16.502.073.000 ✓	-
<i>Phải thu khác</i>	291.222.608 ✓	-	16.378.051.000 ✓	-
Công trình đường HCM đoạn La Sơn-Túy Loan	291.222.608 ✓	-	16.378.051.000 ✓	-
<i>Ký cược, ký quỹ</i>	29.025.000 ✓	-	124.022.000 ✓	-
Cộng	923.187.906.171 ✓	-	377.831.760.147 ✓	-

c) **Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.****6. Nợ xấu**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn thanh toán				
<i>Phải thu khác</i>				
Phạm Văn Tài	528.449.460 ✓	264.224.730 ✓	528.449.460 ✓	369.914.622 ✓
Vũ Thị Thu Nga	348.114.760 ✓	174.057.380 ✓	348.114.760 ✓	243.680.332 ✓
Cộng	876.564.220 ✓	438.282.110 ✓	876.564.220 ✓	613.594.954 ✓

7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.458.578.652 ✓	-	20.163.782.474 ✓	-
Công cụ, dụng cụ	2.277.798.887 ✓	-	2.637.978.804 ✓	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	396.743.131.653 ✓	-	334.912.349.088 ✓	-
Thành phẩm	11.119.430 ✓	-	55.976.431 ✓	-
Hàng hóa	807.201.978 ✓	-	906.423.290	-
Cộng	427.297.830.600 ✓	-	358.676.510.087	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.008.717.903	2.473.266.212
Chi phí bảo hiểm	3.008.717.903	2.473.266.212
b) Dài hạn	26.032.157.951	19.435.357.569
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	2.413.507.352	1.752.656.540
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	23.618.650.599	17.682.701.029
Cộng	29.040.875.854	21.908.623.781

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Công trình đầu mối RCC - Thủy điện La Trọng	85.083.791.616	85.083.791.616	85.083.791.616	85.083.791.616
Công trình hầm áp lực - Thủy điện La Trọng	17.803.294.781	17.803.294.781	17.803.294.781	17.803.294.781
Các công trình khác	18.717.321.336	18.717.321.336	18.717.321.336	18.717.321.336
Cộng	121.604.407.733	121.604.407.733	121.604.407.733	121.604.407.733

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công trình Động Thiên Đường, khu nghỉ dưỡng	20.792.124.957	20.792.124.957
Dự án Sân Golf - Bảo Ninh Trường Thịnh - Mỹ Cảnh	35.245.700.246	2.564.228.125
Công trình 94 Triệu Việt Vương, 144 Bùi Thị Xuân - Hà Nội	-	19.194.873.570
Khu Đô thị Bảo Ninh - Đồng Hới Quảng Bình	-	46.038.019.168
Cải tạo trụ sở Công ty	11.266.472.926	11.101.787.619
Dự án Khu du lịch suối Bang	57.693.563.855	25.722.610.403
Dự án Đầu tư khu nhà ở Trường Thịnh 2016	-	25.361.177.746
Khu du lịch và nhà ở sinh thái Sun Spa Đảo Yến - Quảng Đông	16.437.535.018	17.418.521.362
Công trình BOT Đông Hà - Quảng Trị (km756+705-> km769+947)	91.785.507.244	91.785.507.244
Công trình BOT Đông Hà - Quảng Trị (km756+705-> km769+947) phần tăng cường mặt đường	23.493.051.696	14.440.823.515
Khu Sunspa Resort	3.063.577.414	838.714.656
Công trình Quốc lộ 1 Km741+170 - Km756+705 tỉnh Quảng Trị	29.053.603.282	20.578.542.435
Công trình Quốc lộ 1 Km672+600 đến Km704+900	87.362.725.121	85.868.950.927
Công trình đường tránh thành phố Đồng Hới	127.318.682.423	133.120.124.350
Hạng mục chi phí quản lý chung Công ty Suối Bang	386.537.277	-
Dự án Golf & Resort	1.482.429.032	-
Các công trình khác	8.905.698.071	-
Cộng	514.287.208.562	514.826.006.077

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH

Địa chỉ: Số 50 Nguyễn Hữu Cánh - TP Đồng Hới - Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
							Cộng	
Nguyên giá								
Số dư ngày 01/01/2018	3.882.158.941.163 [✓]	528.732.060.000 [✓]	172.505.375.185 [✓]	6.643.604.934 [✓]	91.807.648.482 [✓]	38.225.392.329 [✓]	4.720.073.022.093 [✓]	
Mua trong năm	763.721.818 [✓]	29.907.606.074 [✓]	21.957.193.274 [✓]	1.034.479.473 [✓]	-	5.520.588.909 [✓]	59.183.589.548 [✓]	
Đầu tư XDCB hoàn thành	19.264.873.570 [✓]	-	-	-	-	-	19.264.873.570 [✓]	
Thanh lý, nhượng bán	(2.243.961.819) [✓]	(7.855.485.065) [✓]	(7.444.173.111) [✓]	-	-	-	(17.543.619.995) [✓]	
Giảm khác (*)	(2.482.567.566) [✓]	-	(59.047.634) [✓]	-	-	-	(2.541.615.200) [✓]	
Số dư ngày 31/12/2018	3.897.461.007.166[✓]	550.784.181.009[✓]	186.959.347.714[✓]	7.678.084.407[✓]	91.807.648.482[✓]	43.745.981.238[✓]	4.778.436.250.016[✓]	
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư ngày 01/01/2018	347.189.304.864 [✓]	214.886.329.605 [✓]	89.848.027.807 [✓]	6.519.525.775 [✓]	35.561.405.588 [✓]	14.384.281.620 [✓]	708.388.875.259 [✓]	
Khấu hao trong năm	104.683.839.602 [✓]	38.160.468.803 [✓]	15.323.559.938 [✓]	398.159.615 [✓]	3.794.837.519 [✓]	4.827.645.558 [✓]	167.188.511.035 [✓]	
Thanh lý, nhượng bán	(1.364.396.972) [✓]	(5.461.716.546) [✓]	(5.491.070.461) [✓]	-	-	-	(12.317.183.979) [✓]	
Giảm khác (*)	(1.299.040.719) [✓]	-	(44.379.434) [✓]	-	-	-	(1.343.420.153) [✓]	
Số dư ngày 31/12/2018	449.209.706.775[✓]	247.585.081.862[✓]	99.636.137.850[✓]	6.917.685.390[✓]	39.356.243.107[✓]	19.211.927.178[✓]	861.916.782.162[✓]	
Giá trị còn lại								
Tại ngày 01/01/2018	3.534.969.636.299 [✓]	313.845.730.395 [✓]	82.657.347.378 [✓]	124.079.159 [✓]	56.246.242.894 [✓]	23.841.110.709 [✓]	4.011.684.146.834 [✓]	
Tại ngày 31/12/2018	3.448.251.300.391 [✓]	303.199.099.147 [✓]	87.323.209.864 [✓]	760.399.017 [✓]	52.451.405.375 [✓]	24.534.054.060 [✓]	3.916.519.467.854 [✓]	

- Nguyên giá TSCD cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 150.058.724.758 VND

- Giá trị còn lại của TSCD sử dụng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay: 288.435.998.472 VND

(*) : Giảm khác là việc ghi giảm giá trị các tài sản bị hỏng trong quá trình giải phóng mặt bằng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Phần mềm kế toán	Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn	Cộng
Số dư ngày 01/01/2018	120.000.000	234.331.094	909.000.000	1.263.331.094
Mua trong năm	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(909.000.000)	(909.000.000)
Số dư ngày 31/12/2018	120.000.000	234.331.094	1.300.000.000	1.654.331.094
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2018	76.000.000	234.331.094	-	310.331.094
Khấu hao trong năm	24.000.000	-	5.370.545	29.370.545
Số dư ngày 31/12/2018	100.000.000	234.331.094	5.370.545	339.701.639
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2018	44.000.000	-	909.000.000	953.000.000
Tại ngày 31/12/2018	20.000.000	-	1.294.629.455	1.314.629.455

12. Phải trả người bán

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	234.816.754.527	234.420.754.527	109.869.688.261	109.869.688.261
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	10.729.611.067	10.729.611.067	865.750.057	865.750.057
Công ty CP Xây dựng tổng hợp Minh Anh	40.928.537.018	40.928.537.018	-	-
Công ty CP Trường Thịnh 5	27.293.448.000	27.293.448.000	22.476.298.000	22.476.298.000
Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Trường Phú	-	-	10.968.719.087	10.968.719.087
Các đối tượng khác	155.865.158.442	155.469.158.442	75.558.921.117	75.558.921.117
b) Dài hạn	131.818.700.969	131.818.700.969	40.741.564.512	40.741.564.512
Công ty CP Trường Thịnh 5	39.775.886.105	39.775.886.105	-	-
Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Trường Phú	51.290.425.952	51.290.425.952	-	-
Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Trường Thịnh Phát	10.824.400	10.824.400	-	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	40.741.564.512	40.741.564.512	40.741.564.512	40.741.564.512
Cộng	366.635.455.496	366.239.455.496	150.611.252.773	150.611.252.773

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh mục VIII.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

c) Các khoản vay với các bên liên quan: Chi tiết được trình bày tại thuyết minh mục VIII.2.

(1): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/525375/HĐTD ngày 24/09/2018; ; hạn mức cấp tín dụng: Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC 600 tỷ đồng, Hạn mức bảo lãnh 690 tỷ đồng; mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC; thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15/08/2019; lãi suất cho vay theo hợp đồng tín dụng cụ thể từng lần; tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp/cầm cố kỳ hết giữa các bên.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/5260488/HĐTD ngày 30/06/2017; hạn mức cho vay: 30.000.000.000 đồng; mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2018; tài sản đảm bảo: toàn bộ tài sản thế chấp của bên vay, số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tổ chức tín dụng khác; lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/5260488/HĐTD ngày 24/09/2018; hạn mức cho vay: 30.000.000.000 đồng; mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/08/2019; tài sản đảm bảo: toàn bộ tài sản thế chấp của bên vay, số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tổ chức tín dụng khác; lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

Khoản vay được thực hiện theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/2753580/HĐTD ngày 24/09/2018 thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Vay ngắn hạn Bà Võ Thị Phương Anh:

- Hợp đồng cho vay tiền ngày 20/06/2018, lãi suất: 0%, thời hạn: cho vay linh động, khi có nhu cầu sử dụng tiền sẽ thông báo cho Công ty trước 1 tháng.

(2): là các khoản vay cá nhân và không chịu lãi suất.

(3): - Hợp đồng tín dụng số 01/2016/525375/HĐ ngày 16/03/2016; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2017/525375/VBSDDHĐTD ngày 30/06/2017 về thời hạn trả nợ gốc. Số tiền cho vay 147.652.000.000 đồng, mục đích để đầu tư cho máy móc thiết bị thi công năm 2016; thời hạn cho vay 84 tháng kể từ nhận nợ đầu tiên; thời hạn rút vốn 360 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; lãi suất vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng 3%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; tài sản đảm bảo: tài sản thế chấp, cầm cố kỳ kết giữa các bên, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 01/2013/HĐ ngày 14/10/2013, văn bản sửa đổi, bổ sung ngày 01/06/2014 về thời hạn rút vốn, thời hạn trả nợ gốc, bên vay được rút vốn trong thời hạn từ ngày 14/10/2013 đến 30/06/2015; số tiền cho vay 109.473.000.000 đồng, mục đích để đầu tư cho Dự án thiết bị thi công năm 2013; thời hạn cho vay 84 tháng kể từ nhận nợ đầu tiên; lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 4%/năm, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; tài sản đảm bảo: tài sản thế chấp, bảo lãnh bên thứ ba và tài sản hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 01/2012/HD ngày 20/06/2012; hạn mức cho vay 57.000.000.000 đồng; mục đích để đầu tư cho dự án xây dựng, cải tạo Văn phòng Tập đoàn Trường Thịnh; thời hạn cho vay 10 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 3%/năm, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; tài sản đảm bảo: tài sản thế chấp, cầm cố theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố ký kết giữa các bên, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.
 - Các khoản vay được thực hiện theo: Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HD ngày 23/01/2009, các phụ lục hợp đồng, công văn số 1970/CV-KHND2 ngày 30/09/2014 về thông báo lịch trả nợ theo hợp đồng tín dụng dài hạn; tổng số tiền vay là 653.491.542.358 đồng; mục đích để đầu tư cho dự án cải tạo mở rộng quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Đông Hà đến thị xã Quảng Trị; thời hạn vay 15 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến khi trả hết nợ gốc, lãi và phí; lãi suất vay áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 3,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; tài sản đảm bảo: cầm cố quyền thu phí của dự án trong suốt thời gian còn dư nợ gốc, lãi vay và các khoản tiền phạt, phí khác.
 - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2013/HD ngày 19/06/2013, thời hạn vay là 180 tháng, lãi suất là lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đang áp dụng tại ngân hàng + 3%/năm và lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần/năm với mục đích nhận lại nợ của Dự án Khu du lịch Mỹ cảnh - giai đoạn 2 của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh. Biên bản xác nhận nợ vay của Ngân hàng với Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh và Công ty TNHH MTV Du lịch Trường Thịnh.
 - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HD ngày 19/06/2013, thời hạn vay là 108 tháng, lãi suất là lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đang áp dụng tại ngân hàng + 3%/năm và lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần/năm với mục đích nhận lại nợ của Dự án Khu du lịch Mỹ cảnh - giai đoạn 1 của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh. Biên bản xác nhận nợ vay của Ngân hàng với Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh và Công ty TNHH MTV Du lịch Trường Thịnh ngày 19/06/2013.
 - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2013/HD ngày 19/06/2013, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất là lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đang áp dụng tại ngân hàng + 3%/năm và lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần/năm với mục đích nhận lại nợ của Dự án Khu du lịch Sinh thái Động thiên Đường của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh. Biên bản xác nhận nợ vay của Ngân hàng với Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh và Công ty TNHH MTV Du lịch Trường Thịnh.
- Tài sản thế chấp, đảm bảo:
- Biên bản thống nhất giá trị tài sản thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ của Công ty tại Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình. Tài sản thế chấp: Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị: 01 xe ô tô chờ khách 29 chỗ ngồi - BKS - 73B - 005.20; 01 xe ô tô chờ khách 29 chỗ ngồi - BKS - 73B - 005.66 và 01 máy sàng cát làm sạch bãi biển.
- Lịch trả nợ gốc: _____
- Lịch trả nợ gốc của khoản vay dài hạn - Dự án Động Thiên đường: được thực hiện theo Văn bản số 01/2018/5260488/VBSDHĐTD ngày 06/02/2018 giữa Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty sửa đổi Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2013/HD ngày 19/06/2013.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỞNG THỊNH

Địa chỉ: Số 50 Nguyễn Hữu Cảnh - TP Đồng Hới - Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Lịch trả nợ gốc của khoản vay dài hạn - Sun spa Resort giai đoạn 1: được thực hiện theo Văn bản số 02/2018/5260488/VBSDHDTĐ ngày 06/02/2018 giữa Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty sữa đổi Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HD ngày 19/06/2013.

- Lịch trả nợ gốc của khoản vay dài hạn - Sun spa Resort giai đoạn 2: được thực hiện theo Văn bản số 03/2018/5260488/VBSDHDTĐ ngày 06/03/2018 giữa Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty sữa đổi Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2013/HD ngày 19/06/2013.

- Theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/BIDV-TRUONGTHINH ngày 17/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình và Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh (với tư cách là Bên vay, Nhà đầu tư) + Công ty TNHH MTV BOT Trường Thịnh (với tư cách Bên vay, Doanh nghiệp dự án): mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán một phần chi phí dự án Đầu tư xây dựng công trình Quốc lộ 1 đoạn Km 672+600 - Km 704+900 tỉnh Quảng Bình theo hình thức hợp đồng BOT, bao gồm cả phần lãi vay trong thời gian thi công và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD/BIDV-TRUONGTHINH/VBSDHDTĐ ngày 20/12/2016.

(4): - Là khoản vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Quảng Bình (trước đây là Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Bình - UBND tỉnh Quảng Bình) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-QĐP ngày 30/06/2010, Thông báo số 39/QPTĐ về thanh toán nợ vay quỹ đầu tư phát triển địa phương; hạn mức cho vay 15.000.000.000 đồng; mục đích để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng dự án du lịch sinh thái Động Thiên Dương; thời hạn cho vay 5 năm, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất trong hạn 9,6%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành sau đầu tư để thế chấp cho khoản vay, theo Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 23/06/2010.

- Biên bản thỏa thuận thanh toán nợ ngày 15/06/2017 giữa 3 bên Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Quảng Bình (Bên A), Công ty TNHH Tập đoàn Đông Dương (Bên B) và Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh (Bên C). Nội dung biên bản thỏa thuận thanh toán nợ: Bên A đồng ý cho bên C trả nợ thay Bên B số tiền nợ gốc 5 tỷ đồng tại hợp đồng vay vốn số 01/2014/HĐTD ngày 15/01/2014. Thông tin hợp đồng: Hạn mức cho vay 5.000.000.000 đồng; mục đích để thực hiện đầu tư xây dựng các hạng mục thuộc khu đập dâng ở các vị trí dọc khe suối, kè suối, đường ven suối, tôn tạo khu vực nguồn mô nước nóng, bãi tắm chung và hoàn thiện 5 bể tắm, nhà dịch vụ, công trình phục trợ liên quan khác; thời hạn cho vay 8 năm, thời gian ân hạn 3 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất trong hạn 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

(5): Các khoản vay của Công ty: theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD ngày 17/02/2014 với tổng hạn mức là 906.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 36 tháng, lãi suất cho vay cụ thể theo từng lần nhận nợ. Mục đích cho vay để thanh toán một phần chi phí Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km741+170 - Km 756+705 tỉnh Quảng Trị.

(6): Vay theo Hợp đồng A27 tín dụng dài hạn để đầu tư Dự án Xây dựng Quốc lộ 1A - Đoạn tránh TP Đồng Hới - Quảng Bình số 01/2006/HD ngày 23/03/2006, Phụ lục hợp đồng số 01/2008/PLHD ngày 03/10/2008, Phụ lục hợp đồng số 01/2009/PLHD ngày 17/11/2009, Phụ lục Hợp đồng số 01/2010/PLHD ngày 20/06/2010, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2018/973693/VBSDHDTĐ ngày 06/11/2018, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn 54 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	152.547.266.765 ✓	87.067.896.423 ✓
Công ty CP Trường Thịnh 5	23.364.251.014	43.485.041.797
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hoàng Minh	62.399.040.858	18.883.646.196
Công ty CP Xây dựng tổng hợp Minh Anh	-	23.506.311.683
Nguyễn Thị Liên (Bất động sản)	4.729.200.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Lương Tài	-	79.043.500
Các đối tượng khác	62.054.774.893	1.113.853.247
b) Dài hạn	213.563.963.776 ✓	582.466.779.876 ✓
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	95.398.960.700	464.091.276.800
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	102.211.000.000	102.211.000.000
Các đối tượng khác	15.954.003.076	16.164.503.076
Cộng	366.111.230.541	669.534.676.299

c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh mục VIII.2.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.713.048.906	63.895.758.785	61.535.667.106	5.073.140.585
Thuế tiêu thụ đặc biệt	11.395.881	145.013.600	149.223.777	7.185.704
Thuế TNDN	-	14.915.272.063	319.905.801	14.595.366.262
Thuế TNDN từ hoạt động SX kinh doanh thông thường	-	425.802.597	319.905.801	105.896.796
Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	14.489.469.466	-	14.489.469.466
Thuế thu nhập cá nhân	106.061.149	363.385.943	374.221.684	95.225.408
Thuế tài nguyên	16.680.000	1.089.898.840	837.188.820	269.390.020
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.943.331.333	2.943.331.333	-
Thuế môn bài	-	23.000.000	23.000.000	-
Thuế nhà thầu	-	2.033.740.284	2.033.740.284	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.960.160	1.667.276.645	1.506.025.476	170.211.329
Cộng	2.856.146.096	87.076.677.493	69.722.304.281	20.210.519.308
b) Phải thu				
Thuế GTGT	415.093.452	415.093.452	-	-
Thuế TNDN	110.245.188	110.239.387	94.199	100.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	430.672.350	159.427.816	-	271.244.534
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	22.590.599	22.590.599
Cộng	956.010.990	684.760.655	22.684.798	293.935.133

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. Chi phí phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	102.264.441.144 ✓	151.508.028.571 ✓
Chi phí lãi vay	102.161.250.829 ✓	151.414.443.492 ✓
Tiền lãi trách nhiệm	103.190.315 ✓	93.585.079 ✓
b) Dài hạn	56.474.127.437 ✓	22.495.417.550 ✓
Chi phí lãi vay	56.474.127.437 ✓	22.495.417.550 ✓
Cộng	158.738.568.581 ✓	174.003.446.121 ✓

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	63.966.498.140 ✓	16.631.468.509 ✓
<i>Kinh phí công đoàn</i>	383.951.114 ✓	391.227.932 ✓
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	12.846.771 ✓	12.846.771 ✓
<i>Các khoản phải trả khác</i>	47.233.315.341 ✓	16.203.483.738 ✓
Công ty CP Trường Thịnh 5	3.058.944.810 ✓	3.058.944.810 ✓
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	5.736.620.743 ✓	-
Công ty CP Xây dựng tổng hợp Minh Anh	-	3.000.000.000 ✓
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	4.617.699.750 ✓	4.772.800.797 ✓
Nguyễn Bảo Ngọc	22.039.052.600 ✓	-
Các đối tượng khác	11.780.997.438 ✓	5.371.738.131 ✓
<i>Tài khoản 138 dư có</i>	16.336.384.914 ✓	23.910.068 ✓
b) Dài hạn	19.528.543.263 ✓	17.566.233.863 ✓
Các khoản phải trả dài hạn khác	7.644.270.664 ✓	5.208.460.164 ✓
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.884.272.599 ✓	12.357.773.699 ✓
Cộng	83.495.041.403 ✓	34.197.702.372 ✓

c) **Phải trả, phải nộp khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh mục VIII.2.**

Mẫu số B 09 - DN /HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Số dư ngày 31/12/2017	1.479.127.000.000 ✓	-	(233.493.794.397) ✓	1.245.633.205.603 ✓
Tăng vốn trong năm	409.873.000.000 ✓	-	-	409.873.000.000 ✓
Lãi trong năm nay	-	-	28.906.269.162 ✓	28.906.269.162 ✓
Trích lập các quỹ	-	-	(1.896.879.833) ✓	(1.896.879.833) ✓
Giảm khác (*)	-	-	(1.311.811.396) ✓	(1.311.811.396) ✓
Số dư ngày 31/12/2018	1.889.000.000.000 ✓	-	(207.796.216.464) ✓	1.681.203.783.536 ✓

(*): Giảm khác là các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm và điều chỉnh Lợi ích cổ đông không kiểm soát năm trước

18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ông Võ Minh Hoài	1.818.450.000.000 ✓	1.408.577.000.000 ✓
Bà Trương Thị Kim Oanh	500.000.000 ✓	500.000.000 ✓
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	70.050.000.000 ✓	70.050.000.000 ✓
Cộng	1.889.000.000.000	1.479.127.000.000

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	1.479.127.000.000 ✓	1.151.118.000.000 ✓
Vốn góp tăng trong năm	409.873.000.000 ✓	328.009.000.000 ✓
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.889.000.000.000 ✓	1.479.127.000.000 ✓
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.4. Cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	188.900.000 ✓	147.912.700 ✓
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	188.900.000	147.912.700 ✓
- Cổ phiếu phổ thông	188.900.000	147.912.700 ✓
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	188.900.000 ✓	147.912.700 ✓
- Cổ phiếu phổ thông	188.900.000	147.912.700 ✓
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18.5. Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: chưa

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

18.6. Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2018
Quỹ đầu tư phát triển	1.197.686.745	-	300.000.000	897.686.745
Cộng	1.197.686.745	-	300.000.000	897.686.745

(*) Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu hoạt động xây lắp kết cấu hạ tầng, giao thông và bán hàng	1.269.874.469.110	853.028.166.681
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.606.248.033	69.578.264.714
Doanh thu kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch	132.038.221.403	135.860.869.894
Doanh thu dịch vụ thu phí đường bộ	407.851.503.636	393.223.259.092
Doanh thu đầu tư, kinh doanh bất động sản	295.205.540.072	-
Cộng	2.151.575.982.254	1.451.690.560.381

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết được trình bày tại thuyết minh mục VIII.2.**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giảm giá hàng bán	-	263.045.454
Cộng	-	263.045.454

3. Giá vốn bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp kết cấu hạ tầng giao thông và bán hàng	1.162.936.734.437	712.471.452.906
Giá vốn cung cấp dịch vụ	44.623.623.115	58.355.632.287

Mẫu số B 09 - DN /HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Giá vốn kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch	124.570.055.778	134.476.419.892
Giá vốn dịch vụ thu phí đường bộ	83.282.289.971	72.549.567.621
Giá vốn đầu tư, kinh doanh bất động sản	165.383.295.294	-
Cộng	1.580.795.998.596	977.853.072.706

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, ký quỹ	8.711.372.185	11.849.344.865
Lợi nhuận kỳ vọng nhận được từ dự án BOT Đông Hà - Quảng Trị (*)	-	5.924.625.517
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.248.132	2.986.474
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	78.842	301.908
Lãi ký quỹ	4.263.544	-
Cộng	8.716.962.703	17.777.258.764

(*): Lợi nhuận kỳ vọng nhận được từ dự án BOT Đông Hà - Quảng Trị được tính toán và thu dựa trên phương án tài chính của Dự án đã được phê duyệt tại Hợp đồng số 45 và phụ lục số 01, phụ lục số 02 với Bộ Giao thông vận tải.

5. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	429.630.221.496	442.030.024.516
Chi phí sử dụng vốn của Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	5.736.620.743	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	952.882.637	2.274.012
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	978.390	179.150
Cộng	436.320.703.266	442.032.477.678

6. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản thu do hao hụt vật tư	46.310.800	29.801.955
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	792.164.826	2.002.149.601
Thu nhập khác	343.230.148	277.029.402
Cộng	1.181.705.774	2.308.980.958

7. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí sửa chữa tài sản cố định thanh lý	1.024.991.176	1.420.642.155
Phạt hành chính và thuế	362.244.733	232.609.415
Chi phí tài sản bị thiệt hại do thiên tai	138.513.883	2.682.309.378
Chi phí sản xuất kinh doanh của những hạng mục đã quyết toán xong	2.166.501.000	-
Giá trị tài sản giảm do hỏng vì giải phóng mặt bằng	8.564.683.437	-

Mẫu số B 09 - DN /HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Xử lý công nợ	-	349.000.000 ✓
Chi phí khác	60.826.725 ✓	46.184.114 ✓
Cộng	12.317.760.954 ✓	4.730.745.062 ✓
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	66.325.388.854 ✓	58.246.050.343 ✓
Chi phí nhân viên quản lý	30.825.232.924 ✓	26.663.641.289 ✓
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	718.445.069 ✓	802.306.125 ✓
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.865.153.552 ✓	1.767.046.118 ✓
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.331.529.180 ✓	4.285.633.989 ✓
Thuế, phí và lệ phí	2.767.275.026 ✓	1.062.824.890 ✓
Chi phí dự phòng	178.279.344 ✓	262.969.266 ✓
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.304.190.669 ✓	6.504.300.704 ✓
Chi phí bằng tiền khác	12.039.241.525 ✓	12.601.286.396 ✓
Phân bổ lợi thế thương mại	4.296.041.565 ✓	4.296.041.566 ✓
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	14.728.276.235 ✓	9.276.365.442 ✓
Chi phí nhân viên	3.286.892.038 ✓	3.512.135.487 ✓
Chi phí vật liệu, bao bì	483.312.114 ✓	417.358.863 ✓
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	630.245.676 ✓	384.734.169 ✓
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.665.280 ✓	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.484.477.664 ✓	1.484.238.254 ✓
Chi phí bằng tiền khác	4.835.683.463 ✓	3.477.898.669 ✓
Cộng	81.053.665.089 ✓	67.522.415.785 ✓
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	545.223.748.508 ✓	129.508.255.461 ✓
Chi phí nhân công	129.805.738.939 ✓	91.731.378.522 ✓
Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.217.881.580 ✓	162.821.806.748 ✓
Chi phí dịch vụ mua ngoài	936.134.862.198 ✓	478.104.199.804 ✓
Chi phí khác bằng tiền	33.806.839.019 ✓	44.771.287.358 ✓
Cộng	1.812.189.070.244 ✓	906.936.927.893 ✓
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp khoản dự phòng đầu tư tài chính	7.153.373.325 ✓	16.225.473.726 ✓

Mẫu số B 09 - DN /HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	7.153.373.325 ✓	16.225.473.726 ✓
--	-----------------	------------------

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.906.269.162 ✓	(36.086.693.926)
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.906.269.162 ✓	(36.086.693.926) ✓
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	182.859.505 ✓	115.357.713 ✓
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	158,08 ✓	(312,82) ✓

(*) Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhập gốc	5.001.291.294 ✓	8.517.767.711 ✓
Tăng vay do nhận lại từ thỏa thuận thanh toán nợ	-	5.000.000.000 ✓
Lãi dự thu ngân hàng và lãi tiền ký quỹ nhập gốc	-	2.329.048.486 ✓
2. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	1.005.971.122.084 ✓	991.209.049.859 ✓
3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	966.975.012.326 ✓	991.904.894.995 ✓

VIII. Những thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh
Công ty CP Trường Thịnh 5

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh
 Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan
 Ông Võ Minh Hoài
 Bà Võ Thị Lan Anh
 Bà Nguyễn Bảo Ngọc
 Ông Võ Hoàng Anh
 Bà Võ Thị Phương Anh
 Bà Nguyễn Thị Loan

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Chủ tịch HĐQT
 Con Chủ tịch HĐQT
 Phó Tổng giám đốc
 Tổng giám đốc
 Con Chủ tịch HĐQT
 Phó Tổng giám đốc

Trong năm Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng	81.167.528.521	144.692.311.983
Công ty CP Trường Thịnh 5	30.432.299.687	48.450.078.555
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	50.570.715.708	96.242.233.428
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	164.513.126	-
Mua hàng	241.884.109.706	332.424.088.210
Công ty CP Trường Thịnh 5	138.617.682.409	202.574.759.070
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	103.266.427.297	129.849.329.141
Số dư các bên liên quan	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Các khoản phải thu	206.924.914.294	302.570.285.959
Phải thu khách hàng ngắn hạn	28.575.035.221	36.291.997.546
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	3.416.218.975	15.713.113.785
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	8.925.873.818	11.105.125.333
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	8.733.357.000	8.733.357.000
Công ty CP Trường Thịnh 5	7.499.585.428	740.401.428
Phải thu khách hàng dài hạn	50.567.470.869	1.577.489.667
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	50.567.470.869	1.577.489.667
Trả trước cho người bán ngắn hạn	55.118.949.160	157.015.958.474
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	55.118.949.160	157.015.958.474
Phải thu khác ngắn hạn	23.355.053.109	2.598.666.110
Công ty CP Trường Thịnh 5	1.972.817.511	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	304.193.894	-
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	20.978.041.704	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Ông Võ Minh Hoài	-	2.498.666.110
Phải thu khác dài hạn	291.222.608	16.378.051.000
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	291.222.608	16.378.051.000
Tạm ứng	49.017.183.327	88.708.123.162
Ông Võ Minh Hoài	6.440.082.846	19.061.448.148
Ông Võ Hoàng Anh	22.663.587.847	20.537.311.955
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	17.823.560.000	45.356.506.214
Bà Nguyễn Thị Loan	1.530.605.173	836.679.957
Bà Võ Thị Phương Anh	559.347.461	2.916.176.888
Các khoản phải trả	389.144.370.607	681.986.348.469
Phải trả cho người bán ngắn hạn	52.387.409.945	23.350.561.825
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường thịnh	25.093.961.945	874.263.825
Công ty CP Trường Thịnh 5	27.293.448.000	22.476.298.000
Phải trả cho người bán dài hạn	80.517.450.617	40.741.564.512
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường thịnh	40.741.564.512	40.741.564.512
Công ty CP Trường Thịnh 5	39.775.886.105	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	23.364.251.014	43.485.041.797
Công ty CP Trường Thịnh 5	23.364.251.014	43.485.041.797
Người mua trả tiền trước dài hạn	197.609.960.700	566.302.276.800
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam lộ - Túy Loan	95.398.960.700	464.091.276.800
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	102.211.000.000	102.211.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	30.265.298.331	8.106.903.535
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	-	275.157.928
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	4.617.699.750	4.772.800.797
Công ty CP Trường Thịnh 5	3.058.944.810	3.058.944.810
Ông Võ Minh Hoài	57.103.546	-
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	22.311.550.225	-
Ông Võ Hoàng Anh	220.000.000	-
Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt		
	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	1.352.851.671	1.207.347.634
Cộng	1.352.851.671	1.207.347.634

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Quảng Bình, ngày 06 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Phan Thị Hiền



Nguyễn Mạnh Hải



Nguyễn Bảo Ngọc

